

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2024/DS-ST
Ngày 17-7-2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thuý Vân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm: 1949 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Ú trình bày: Vào thời gian trước đây bà có làm chủ hụi, bà Trần Thị H có tham gia chơi hụi và còn thiếu nợ bà, bà H có làm biên nhận nội dung nhận thiếu bà số tiền 53.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 53.000.000 đồng.

Đối với bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại giấy nhận nợ không đề ngày, thể hiện bà H ký nhận thiếu nợ bà Ú số tiền 53.000.000 đồng; quá trình giải quyết vụ án, bà H trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có thể hiện rõ số tiền bà Ú yêu cầu và các tài liệu thu thập được nhưng phía bà H vẫn không có ý kiến phản đối gì về khoản nợ bà Ú yêu cầu, điều đó cho thấy bà H đã mặc nhiên thừa nhận khoản nợ đối với bà Ú. Do đó, có căn cứ buộc bà H trả cho bà Ú số tiền nợ 53.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 và Điều 166 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Ú được chấp nhận nên bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm: $53.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.650.000 \text{ đồng}$, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Ú được miễn dự nộp án phí, nên không xử lý.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú đối với bà Trần Thị H. Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền 53.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị H phải chịu 2.650.000 đồng.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô